

Tên _____
Ngày _____

Bài Ôn Giữa Khóa I

Đây là bài ôn cho kỳ I. Xin phụ huynh để các em tự làm bài lấy và sau đó kiểm lại bài cho các em, chỉ giúp khi nào các em cần đến sự giúp đỡ. Bài thi sẽ bao gồm những phần sau đây: đàm thoại, đặt câu, ráp câu, ngữ vựng, đồng nghĩa, và phản nghĩa. Ngày 19 tháng 12, 2009 sẽ có Thi Kỳ I: từ bài số 1 - bài số 5.

I. Em hãy dịch những chữ sau đây sang Việt Ngữ.

1. I _____

2. You _____

3. He _____

4. She _____

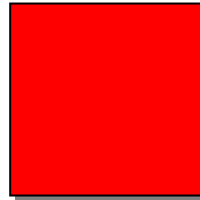
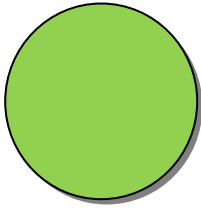
5. It _____

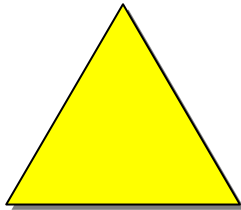
6. We _____

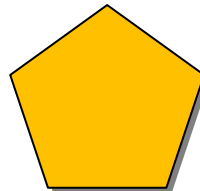
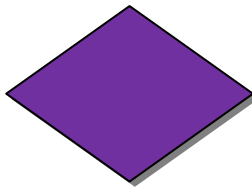
7. You (plural) _____

8. They _____

II. Em nhìn hình và điền chữ vào chỗ trống







III. Hãy dịch những câu sau đây sang Việt Ngữ, và đọc thật lớn.

1. *These books belong to whom?*

2. *These books are belonging to them.*

3. *Who is the oldest in your family?*

4. name is the oldest in my family.

5. Who is Mrs. Lee?

6. Mrs. Lee is Angela's mother.

7. Who likes to go to the movie?

8. We like to go to the movie.

9. Whose going to drive you to the theater?

10. My father will drive us to the theater.

11. Who is Steven?

12. He is a student in my class.

IV. Viết những từ phản nghĩa của những từ sau đây.

- | | | | |
|---------------|-------|------------|-------|
| 1. Méo | _____ | 2. Cong | _____ |
| 3. Dài | _____ | 4. Xa | _____ |
| 5. Lạt | _____ | 6. Sạch sẽ | _____ |
| 7. Dở (đồ ăn) | _____ | 8. Cùn | _____ |
| 9. Nhớ | _____ | 10. Dưới | _____ |
| 11. Xuống | _____ | | |

V. Viết những từ đồng nghĩa của những từ sau đây.

- | | | | |
|------------|-------|---------|-------|
| 1. May mắn | _____ | 2. Chăn | _____ |
| 3. Bát | _____ | | |

VI. Chọn từ cho thích hợp và điền vào chỗ trống.

ngọn làm quen đến áo len ngắn đón
khen gần quần áo gọn ghẽ lần hện
bản đồ chén dọn bạn tai nạn con nhện
quên còn nhọn ngon kèn khăn chọn
không nên trên

1. Em thấy con sóc trèo lên _____ cây.
2. Cô giáo _____ em học giỏi.
3. Em phụ mẹ rửa _____.
4. Anh ấy _____ với con chó của em.
5. Từ nhà em đi bộ _____ trường rất _____.
6. Chị chơi đàn piano, còn em thích chơi _____.
7. Hôm nay, mẹ mặc chiếc _____ màu đen thật đẹp.
8. Chúng em _____ bạn đi xem phim vào lúc ba giờ.
9. Ba mẹ dạy em _____ tin và làm quen kẻ lạ.
10. Hôm nay mẹ sẽ chở em đi mua sắm vì _____ của em đã _____.
11. Em _____ cuốn sách mới ở thư viện.
12. Anh ấy xếp sách vở _____ bàn rất _____.
13. Sáng nay em _____ dọn phòng nên không thể đi chơi với bạn.
14. Chiều nay sao chưa thấy ba đến _____ chúng em về.
15. Em gọi điện thoại cầm tay của ba bốn _____ mà không thấy ba trả lời.
16. Vì _____ giao thông nên ba đón chúng em về trễ.
17. Mỗi khi thấy _____, mẹ hay hét lên.
18. Chúng nó dùng _____ để kiếm đường đến sở thú.
19. Cô giáo la em vì em _____ học bài.
20. Chiếc đồng hồ này rất _____ vì em đã đeo nó năm năm liền (continuous).
21. Chúng em không _____ chơi đá banh nữa.
22. Con nhím có nhiều lông _____.
23. Bà mua cho em chiếc _____ quàng cổ màu hồng.
24. Mẹ nấu bò kho (beef stew) rất thơm và _____.